TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TG** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST Ngày 30-9-2020 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TG - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giàng A Tằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bạc Thị Hồng và ông Lò Văn Quân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TG tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TG xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 156/2020/TLST- HN&GĐ ngày 16 tháng 7 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26a/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Lò Văn S**, năm sinh 1996, có mặt.

Địa chỉ: Bản HA, xã RĐog, huyện TG, tỉnh Điện Biên.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Đình Th – luật sư, thực hiện trợ giúp pháp lý của trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

2. Bị đơn: Chị **Lò Thị Th**, sinh năm 1998, vắng mặt.

Nơi ĐKHKTT: Bản HA, xã RĐog, huyện TG, tỉnh Điện Biên.

Địa chỉ hiện nay: Bản K, xã QCag, huyện TG, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Lò Văn S, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Anh S và chị Lò Thị Th kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã RĐog, huyện TG, tỉnh Điện Biên theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 27/7/2016 (BL 04, 05). Trong quá trình chung sống sau khi kết hôn, vợ chồng luôn bất hòa, trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Nguyên nhân là do tính cách hai người không hợp nhau, bất

đồng về quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên từ tháng 9 năm 2018 chị Th đã bỏ về sống cùng bố mẹ đẻ tại bản K, xã QCag, huyện TG, tỉnh Điện Biên và vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh S xác nhận tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Th không còn, mâu Thẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, không còn khả năng đoàn tụ nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị Lò Thị Th.

- Về con chung: Anh S và chị Th có 01 người con chung, là Lò Thị Hoài Th, sinh ngày 05/9/2017. Sau ly hôn nguyện vọng của anh S là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con và không yêu cầu chị Lò Thị Th cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, riêng; nợ chung, riêng: Anh Lò Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Lò Thị Th: Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập chị Th, nhưng chị Th không đến. Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chị Th là bản HA, xã RĐog, huyện TG, tỉnh Điện Biên thì được biết: Chị Lò Thị Th đã chuyển về sinh sống cùng bố mẹ đẻ (gia đình ông Lò Văn Khiển) tại bản K, xã QCag, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Hiện tại chị Th đang cư trú và sinh sống tại bản K, xã QCag, huyện TG, tỉnh Điện Biên nhưng đi về thất thường nên Tòa án không trực tiếp tống đạt Thông báo thụ lý cho chị Th được. Do vậy Tòa án đã tiến hành xác minh, tống đạt văn bản tố tụng cho người thân thích là ông Lò Văn Khiển (bố đẻ của chị Th) và niêm yết Thông báo thụ lý vụ án theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho chị Th. Hết thời gian theo quy định, Tòa án đã tiến hành triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và thực hiện cấp, tống đạt, niêm yết theo quy định của pháp luật để chị Th được biết, nhưng chị Th vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Kết quả tiến hành xác minh tại địa phương và gia đình cho thấy: Anh S và chị Th tự nguyện xây dựng gia đình với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định, đến thời điểm yêu cầu ly hôn vợ chồng có 01 người con chung. Quá trình chung sống vợ chồng luôn bất hòa, trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Nguyên nhân là do tính cách hai người không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống (BL 33, 34). Anh S và chị Th đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2018 cho đến nay.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lò Văn S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TG phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng theo quy định của pháp luật, từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và tài liệu, chứng cứ Tòa án Th thập, thể hiện mâu Thẫn vợ chồng anh Lò Văn S, chị Lò Thị Th đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh Lò Văn S yêu cầu ly hôn, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn

nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh S, xử cho anh S được ly hôn với chị Lò Thị Th.

- Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh S, giao con chung Lò Thị Hoài Th, sinh ngày 05/9/2017 cho anh Lò Văn S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Lò Thị Th chưa cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, riêng; nợ chung, riêng: Anh Lò Văn S, chị Lò Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh Lò Văn S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lò Văn S có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Lò Thị Th có địa chỉ tại bản K, xã QCag, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố Tụng dân sự, vụ án Thộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TG, tỉnh Điện Biên.

- Quá trình giải quyết vụ án Tòa án triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải chỉ có mặt nguyên đơn là anh Lò Văn S còn bị đơn chị Lò Thị Th vắng mặt không có lý do nên đây là vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 27/8/2020 Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử vụ án và đã niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng do bị đơn chị Lò Thị Th vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa. Sau khi hoãn phiên tòa, Tòa án đã tiếp tục tiến hành niêm yết theo quy định: Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập phiên tòa cho bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt không có lý do, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh S và chị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã RĐog, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 27/7/2016 của UBND xã RĐog (BL 04, 05) xác định quan hệ hôn nhân giữa anh Lò Văn S và chị Lò Thị Th là hôn nhân hợp pháp, theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nguyên nhân phát sinh mâu Thẫn: Anh S, chị Th trong cuộc sống luôn bất hòa, do bất đồng về quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, cuộc sống chung không có tiếng nói chung dẫn đến anh S, chị Th không thể tiếp tục cuộc sống chung và vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2018 đến nay. Nguyên nhân mâu Thẫn của vợ chồng anh S, chị Th được thể hiện qua biên bản xác minh của Tòa án (BL 33, 34, 49). Hội đồng xét

xử nhận định về tình cảm vợ chồng, anh S và chị Th không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau đã vi phạm nghiêm trọng những nguyên tắc cơ bản về quyền và nghĩa vụ về nhân thân, tình nghĩa vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Điều đó thể hiện tình trạng hôn nhân của anh S, chị Th đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Xét thấy anh Lò Văn S, chị Lò Thị Th đã sống ly thân một thời gian dài, không ai quan tâm tới ai, căn cứ tình trạng hôn nhân và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử cần căn cứ vào quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Vợ chồng anh S, chị Th có 01 người con chung là Lò Thị Hoài Th, sinh ngày 05/9/2017. Khi ly hôn nguyện vọng của anh S yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy anh S có nơi ở ổn định và hiện nay con chung đang do anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi hai vợ chồng sống ly thân. Còn chị Th đang ở nhờ nhà bố mẹ đẻ không có chỗ ở ổn định. Cần căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh thực tế của hai bên, để tránh làm xáo trộn cuộc sống ảnh hưởng đến tâm lý của con. Giao cho anh Lò Văn S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lò Thị Hoài Th, sinh ngày 05/9/2017 là phù hợp. Căn cứ quy định tại Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Lò Văn S.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lò Văn S, chị Lò Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh Lò Văn S là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và đã có đơn xin miễn án phí. Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Anh S được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 69, 71, 72, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố dụng dân sự và Điều 9, Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lò Văn S được ly hôn chị Lò Thị Th.

2. Về con chung: Giao con chung Lò Thị Hoài Th, sinh ngày 05/9/2017 cho anh Lò Văn S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chị Lò Thị Th chưa cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh Lò Văn S có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; chị Lò Thị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Anh Lò Văn S và chị Lò Thị Th có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn. Khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho anh Lò Văn S.

4. Quyền kháng cáo: Anh Lò Văn S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/9/2020). Chị Lò Thị Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện TG;
- Chi cục THADS huyện TG;
- UBND xã RĐog, huyện TG;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Giàng A Tằng